

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÂM
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15-3-2018

“V/v ly hôn giữa chị H và anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÂM – TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kháng

2. Ông Lê Quang Điện

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tươi – Thư ký tòa án nhân dân huyện Văn Lâm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên: Bà Đỗ Thị Quyên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

Chị Nông Thị H – SN 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khối 9, phường V, thành phố LS, tỉnh LS.

*** Bị đơn:**

Anh Khúc Chí T – SN 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn XĐ, xã LT, huyện VL, tỉnh HY

*** Người làm chứng:**

Bà Nguyễn Thị Nh - 85 tuổi (là mẹ đẻ anh T, vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn XĐ, xã LT, huyện VL, tỉnh HY.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2017 và lời khai trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nông Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh Khúc Chí T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn ngày 02/4/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau nhưng không hạnh phúc. Chị H cố gắng để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh T lại là người ham chơi không tu chí làm ăn, chỉ lợi dụng chị về tiền bạc, kinh tế. Vợ chồng chỉ sống với nhau đến tháng 4 năm 2016 thì ly thân cho đến nay, mỗi người ở một nơi. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị H trình bày: Vợ chồng chị không có con chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị H trình bày vợ chồng chị không nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ruộng nông nghiệp: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng bị đơn là anh Khúc Chí T không chấp hành các văn bản tố tụng, không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên không lấy được lời khai của anh T.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn là anh Khúc Chí T vắng mặt không có lý do tại các buổi Tòa án triệu tập, tại phiên họp hòa giải và tại phiên tòa. Anh Khúc Chí T không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung; Về công nợ chung; Tài sản chung; Công nợ chung; Công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm nhận định:

I/ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên bị đơn anh Khúc Chí T đều vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Nông Thị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

II/ Về nội dung:

[1]. *Về hôn nhân:* Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Trại ngày 02/4/2014 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H trình bày: Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân một thời gian dài, mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Lời khai của bà Nh là mẹ đẻ của anh T cho biết: Bà không biết chị H là ai và chị H từ khi lấy anh T không khi nào về gia đình bà. Thời gian gần đây anh T về quê ở nhưng lúc ở, lúc đi. Quá trình giải quyết vụ án anh Khúc Chí T không hợp tác, không có lời khai của anh để làm rõ tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng nhưng căn cứ vào lời khai của chị H và lời khai của bà Nh có cơ sở cho thấy hôn nhân của vợ chồng chị H không hạnh phúc, không còn duy trì

cuộc sống chung vợ chồng cho nên mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó có căn cứ cho chị H được ly hôn với anh Tá theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Vợ chồng chị H không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] *Về công nợ*: Chị H xác định vợ chồng không nợ ai, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] *Về tài sản*: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không đề nghị nên không đặt ra giải quyết.

[5] *Về công sức và ruộng nông nghiệp*: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hậu phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị H. Cho chị Nông Thị H được ly hôn với anh Khúc Chí T.

2. *Về con chung*: Chị H và anh T không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung vợ chồng, về công nợ, về công sức và ruộng nông nghiệp không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 014817 ngày 12/12/2017, chị Hậu đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Văn Lâm;
- Chi cục THADS huyện Văn Lâm;
- UBND phường VT
- Lưu HS vụ án.

Trần Hoàng Lâm